

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 55

Phần 6: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là phần Kệ tụng ca ngợi đức: Ca ngợi về đức đã đến vô cùng, vốn là hiển bày về pháp đã chứng đắc. Trong văn có Bồ-tát mười phương, tức là mười mục: Hai mục đầu ca ngợi về Dụng của Tam-muội, Đạo tràng...; tám mục còn lại bao gồm ca ngợi về đức của Phật.

Mục một- Đông phương.

Tổng quát ca ngợi về một Hội. Mười kệ phân hai: Kệ đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt cũng có hai:

Bốn kệ trước ca ngợi Đức Phật, trong đó: Đầu là hai kệ ca ngợi về đức bên trong: 1- Rộng lớn; 2- Sâu xa. Tiếp là một kệ ca ngợi bên ngoài vô ngại. Sau là một kệ kết luận thành tựu về Dụng hiện tại.

Năm kệ sau ca ngợi Bồ-tát: 1- Tổng quát hiển bày về vân tập; 2- Nguyện hạnh sâu xa; 3- Vượt lên trên phần vị dưới; 4- Địa thuộc Trí cao xa; 5- Dụng của Định rộng lớn.

Mục hai- Nam phương.

Chỉ ca ngợi Bồ-tát, nhưng đã kết luận quy về Phật lực, cũng ca ngợi Đức Phật. Mười kệ phân năm:

Hai kệ đầu là khiến cho quán sát về đức bên trong: Kệ đầu là Phước-Trí trang nghiêm hoàn toàn; kệ sau là Định-Trí rộng sâu.

Hai kệ tiếp là nêu ra nơi chốn quy tụ.

Ba kệ tiếp là trình bày về Tịch-Dụng vô ngại: Một kệ rưới đầu tức là Tịch, một kệ rưới sau là khởi Dụng.

Một kệ tiếp là kết luận quy về Phật lực.

Hai kệ sau là kết luận về đức của Bồ-tát rộng lớn giống như chư Phật.

Mục ba- Tây phương.

Các phương dưới đây chỉ ca ngợi về đức của Phật. Nhưng tuy bao gồm các đức, mà tùy theo nhiều để hiển bày tên gọi. Nay ở đây ca ngợi về đức thích hợp thời cơ thuộc Dụng của Trí. Mười kệ phân hai:

Ba kệ đầu là Pháp thuyết: 1- Đức bên trong; 2- Dụng bên ngoài; 3- Tổng quát kết luận về lìa xa ngôn từ.

Bảy kệ sau là Dụng hiển bày: 1- Dụng cho rộng lớn trước đây. 2- Dụng cho viên mãn. 3 và 4- Dụng cho hiện bày thần thông: a- Trải qua thời gian dài; b- Không có gì ngăn ngại. 5- Dụng cho thuyết giảng giáo pháp. 6- Dụng cho phá tan Tà đạo. 7- Tổng quát dụ về chư Phật cùng dựa vào đức trước đây.

Mục bốn- Bắc phương.

Mười kệ có chín Dụng ca ngợi về ba đức sâu rộng, trong đó có hai:

Năm kệ trước có bốn Dụng, dụ cho đức bên trong: 1- Ân đức; 2- Đoạn đức. Ba kệ tiếp là ba Dụng, dụ cho Trí: Một kệ đầu dụ cho cao xa, hai kệ sau dụ cho sâu rộng.

Năm kệ sau dụ cho Đại Dụng: 1- Khéo léo thị hiện; 2- Tùy theo mong muốn; 3- Soi chiếu căn cơ; 4- Phù hợp với Lý; 5- Kết luận về lợi ích.

Mục năm- Đông Bắc phương.

Pháp Giới Nguyên Nguyệt Vương, mười kệ ca ngợi về đức làm lợi ích tất cả chúng sinh, phân bốn:

Một kệ đầu tổng quát dụ về tất cả nhìn thấy đều lợi ích.

Ba kệ tiếp riêng biệt trình bày về Bồ-tát làm lợi ích: Một kệ trước là thanh tịnh hai chướng, hai kệ sau là thành tựu diệu lực.

Năm kệ tiếp trình bày về lợi ích rộng khắp mọi nơi: 1- Thành đạo khắp nơi; 2- Thần thông khắp nơi; 3- Thị hiện công hạnh khắp nơi; 4- Hiểu rõ về pháp khắp nơi; 5- Chuyển pháp luân khắp nơi.

Một kệ sau là kết luận về lợi ích rộng khắp mọi nơi.

Mục sáu- Đông Nam phương.

Mười kệ ca ngợi về đức của Đại Dụng khó nghĩ bàn, phân ba:

Ba kệ đầu trình bày về phạm phu-Tiểu thừa khó nghĩ đến được.

Bốn kệ tiếp là nêu ra pháp khó nghĩ bàn.

Ba kệ sau là hiển bày về người có thể nhận biết.

Mục bảy- Tây Nam phương.

Mười kệ ca ngợi về đức của Trí thân khó nghĩ bàn, phân bốn:

Một kệ đầu tổng quát hiển bày về khó nghĩ bàn.

Một kệ tiếp là nêu ra nhân hiển bày về quả.

Sáu kệ tiếp là riêng biệt nêu ra tướng khó nghĩ bàn, trong đó có

ba: Đầu là ba kệ về Trí soi chiếu làm thanh tịnh các chướng, tiếp là một kệ thị hiện sâu rộng, sau là hai kệ về Niệm-Trí viên dung.

Hai kệ sau là kết luận khuyến khích, nghĩa là Trí thân của Phật sinh ra từ pháp không thể nghĩ bàn, khiến cho bật dứt ý niệm của nghĩ bàn, là đã suy nghĩ về Phật rồi.

Mục tám- Tây Bắc phương.

Mười kệ ca ngợi về đức thành tựu Bồ-tát của Phật, phân hai:

Một kệ đầu tổng quát nêu lên quán sát quyết định thành tựu.

Chín kệ sau là lần lượt chuyển tiếp thành tựu lợi ích, trong đó: Bảy kệ trước đều có một Hạnh, hai kệ sau tổng quát kết luận về sâu rộng.

Mục chín- Hạ phương.

Bồ-tát ca ngợi về đức khó thấy-nghe của Phật, phân hai:

Một kệ đầu nêu lên danh hiệu khó được nghe, gần gũi thì nhất định đoạn trừ nghi ngờ.

Chín kệ còn lại là riêng biệt hiển bày về tướng làm lợi ích cho chúng sinh, trong đó: Đầu là một kệ về lợi ích phát sinh phước thiện. Tiếp là hai kệ về lợi ích hưởng đến Bồ-đề. Tiếp là hai kệ về lợi ích thành tựu Trí. Sau là bốn kệ dựa vào con người kết luận về lợi ích.

Mục mười- Thượng phương.

Bồ-tát ca ngợi về ân đức sâu nặng của Phật, phân bốn:

Hai kệ đầu tổng quát nêu ra đức của Phật, ý thuộc về Ân đức.

Một kệ tiếp là ân sâu xa khó báo đáp.

Bốn kệ tiếp là phát tâm gánh vác ân nặng.

Bốn kệ sau là giải thích thành tựu về ý gánh vác ân nặng.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 61 trong kinh).

Phần 7: Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là phần Phổ Hiền khai triển rộng ra: Hiện rõ quốc độ hiển bày về pháp giới, bởi vì Phổ Hiền là Chủ về pháp môn này, cho môn mới có thể mở bày, trong đó có hai: a- Trường hàng; b- Kệ tụng.

Trong phần a- Trường hàng có ba: Một- Trình bày về ý khai triển rộng ra; Hai- Phương tiện có thể mở bày; Ba- Chính thức trình bày về khai Quyền hiển Thật (Khai hiển).

Mục một- Trình bày về ý khai triển rộng ra: Quán sát chúng hội, trước đây Đức Phật tiến vào Định hiện rõ tướng, khiến cho chúng hội nhìn thấy tự mình chứng được; nay nhờ vào ngôn từ để khai Quyền hiển Thật khiến cho tìm theo ngôn từ mà phù hợp với Thật.

Mục hai- Từ “Dĩ đẳng pháp giới...” trở xuống là trình bày về phương tiện có thể mở bày, có mười một câu: Câu đầu là tổng quát, bởi

vì hàm chứa Sự-Lý rộng sâu, chữ Dĩ đặt ở đầu câu xuyên suốt mười câu sau, nghĩa là nghiệp dụng sâu rộng của Tam-muội Tấn Thân, cần phải dùng mười loại phương tiện không có phạm vi giới hạn này, mới có thể khai Quyền hiển Thật, hướng hồ số mười lại biểu thị cho Vô tận. Những câu còn lại là riêng biệt: Hư không là trình bày về rộng lớn không có phạm vi giới hạn, tám câu còn lại hiển bày về nhiều không có phạm vi giới hạn. Một loại bóng sáng (Quang ảnh) bao gồm hiển bày về nghĩa sâu xa, bởi vì thanh tịnh như bóng sáng. Lại bởi vì bóng của ánh sáng rọi lại tùy theo căn cơ sai biệt, cho nên chọn ra gương-nước khác nhau mà tựa như thể chất vốn có (Bản chất).

Mục ba- Từ “Vị chư Bồ-tát...” trở xuống là chính thức trình bày về khai Quyền hiển Thật, phân ba: 1- Tổng quát nêu lên; 2- Đưa ra giải thích; 3- Tổng quát kết luận.

Mục 1- Tổng quát nêu lên: Dùng mười câu về Pháp, là Pháp này hướng về phương tiện trước đây tức là thụ động sử dụng, hướng về cảnh giới của Tam-muội tức là chủ động khai mở.

Mục 2- Từ “Hà đẳng...” trở xuống là đưa ra giải thích.

Trong giải thích: Mỗi một câu về Pháp, đều dùng mười loại phương tiện trước đây; mỗi một phương tiện đều có thể diễn giải mười câu này. Nhưng mười câu này đã khai mở tức là pháp đã hiện rõ trước đây, cũng là mười câu về Dụng của Quả trong phần nghĩ đến thừa thỉnh, vẫn có phần ít tách ra-hợp lại không theo thứ tự mà nghĩa thì không có gì thiếu.

Hai câu đầu tức là quốc độ thanh tịnh của Phật: 1- Y báo và Chánh báo thanh tịnh; 2- Pháp lưu hành khắp nơi thanh tịnh, thế giới Thành-Hoại tức là quốc độ, Phật xuất hiện ở trong đó rõ ràng là quốc độ của Phật. Trước đây nghĩ đến muốn biết về tướng quốc độ của Phật, nay trình bày quốc độ đã vô biên, thì trong vô số quốc độ của tất cả chư Phật đều có quốc độ của Phật, đều do Phật mà thanh tịnh. Các câu sau ví dụ như vậy, đều là một mảy lông-một mảy trần, tức là hàm chứa thâm nhiếp Vô tận.

Hai câu tiếp tức là thành tựu Đẳng chánh giác, một câu là Chủ, một câu là Bạn. 5- Tức là vì tất cả chúng sinh mà hiện rõ ảnh tượng của chư Phật. 6- Tức là tiến vào nơi cư trú của tất cả chúng sinh. Hai câu 7-8 bao gồm hiển bày về Thần thông chủ động hiện bày, tức là mở rộng tòa thành của Trí, mà cảnh thô-trần tế làm sai khác. 9- Tức là hàm chứa bốn câu về điều phục chúng sinh... trước đây. 10- Tức là Chuyển pháp luân.

Mục 3- Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần b- Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là Kệ tụng, có hai mục:

Mục một- Nghi thức thuyết kệ, ý có mười câu: Bốn câu đầu là nghi thức thuyết kệ, sáu câu sau là quán sát về pháp đã thuyết giảng. Nhưng phần nhiều giống với đức thuộc quả khó nghĩ bàn trong phần nghĩ đến thừa thỉnh trước đây. Còn lại như trước phân rõ.

Trong mục hai- Chính thức thuyết kệ, tụng mười câu về Pháp mà tách ra-hợp lại không theo thứ tự: Kệ một tụng về câu thứ nhất, kệ hai tụng về câu thứ ba, kệ ba tụng về câu thứ hai, kệ bốn tụng về câu thứ tư, kệ năm tụng về câu thứ năm, hai kệ sáu-bảy cùng tụng về câu thứ sáu, kệ tám tụng về câu thứ chín, kệ chín lùi lại kết hợp tụng về hai câu thứ bảy-thứ tám, kệ mười tụng về câu thứ mười. Văn đều có thể biết.

Phần 8: Từ “Nhĩ thời Thế Tôn...” trở xuống là phần Hào quang thị hiện lợi ích, bởi vì khiến cho tìm theo ánh sáng của Trí để có thể chứng được. Trong văn có bốn: a- Hào quang thị hiện khắp nơi; b- Từ “Thời Thế-đa lâm...” trở xuống là dựa vào ánh sáng nhìn thấy pháp; c- Từ “Kỳ hữu kiến giả...” trở xuống là hiển bày về nhân duyên nhìn thấy chứng được; d- Từ “Thị cố giai đắc...” trở xuống là trình bày về đạt được lợi ích ấy.

Phần a- Hào quang thị hiện khắp nơi, có bốn: Một- Nêu lên ý của ánh sáng. Hai- Từ “Tùng mi gian...” trở xuống là Thể-Dụng của ánh sáng Chủ, bởi vì biểu thị cho Chánh trí Vô lậu Trung đạo tức là pháp giới, mới có thể chứng được pháp giới đã hiện rõ trước đây, ba đời là tướng, tướng tức là pháp giới, Thể-Dụng của pháp giới cùng làm Môn ấy; lại tất cả đều làm Môn, bởi vì nếu nhìn thấy tánh-tướng của pháp giới, thì chính là tiến vào Thể-Dụng của Tam-muội. Ba- Từ “Dĩ bất khả...” trở xuống là ánh sáng thâm nhiếp quyến thuộc, bởi vì Trí sai biệt đều tiến vào pháp giới. Bốn- Từ “Phổ chiếu...” trở xuống là trình bày về phạm vi giới hạn của ánh sáng.

Trong phần b là dựa vào ánh sáng nhìn thấy pháp, có hai: Một- Trình bày về Đại chúng ở đây nhìn thấy khắp nơi; Hai- Từ “Như thử hội...” trở xuống là tương tự nối thông với mười phương.

Trong mục một, cũng có hai: 1- Người có thể tiến vào bao gồm hai chúng mới-cũ. 2- Từ “Tất kiến...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy pháp, cũng có hai: Trước là nhìn thấy vô số thế giới của pháp giới khắp nơi Hội này. Sau từ “Hoặc kiến ư bất khả thuyết...” trở xuống là nhiều chủng loại thâm nhiếp giáo hóa rộng khắp mọi nơi pháp giới, trong đó

phân ba: a- Trình bày về pháp hội rộng lớn khắp nơi; b- Từ “Hoặc kiến tại Thiên cung...” trở xuống là trình bày về rộng khắp mọi nơi không giống nhau, tất cả ở trong vô số thế giới trước đây; c- Từ “Hiện chủng chủng tánh...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về pháp đã hiện bày, cũng bao gồm giải đáp về các pháp đã nghĩ đến thưa thỉnh trước đây, cho nên nói là đủ loại.

Mục hai là tương tự hiển bày về mười phương, là chúng hội mười phương cùng nhìn thấy, trong đó có hai: 1- Nêu ra nơi này để hiển bày về nơi khác. 2- Từ “Như thị tận...” trở xuống là bởi vì nơi khác tương tự nơi này, trong đó cũng có hai: Trước là nêu ra phạm vi giới hạn có thể nhìn thấy, nghĩa là Đại hội vi tế ở mười phương ấy, đều nhìn thấy giống như ở Hội này. Sau từ “Giai diệc như thị...” trở xuống là trình bày về pháp đã nhìn thấy tự tại, nghĩa là tuy hiện bày rộng lớn mà không làm hỏng tướng vốn có.

Phần c: là trình bày về nhân duyên nhìn thấy chứng được, nghĩa là lập tức nhìn thấy chứng được như vậy không phải là không có nhân của đời trước, nhưng thành tựu trước đây làm nhân của nhìn thấy, thuận theo về sau làm nhân của chứng được, đều là do Như Lai đã thâm nhiếp tiếp nhận, có thể biết.

Trong phần d là trình bày về đạt được lợi ích ấy, có hai: Một- Trình bày về nhân nhìn thấy đạt được pháp; Hai- Từ “Nhĩ thời chư Bồ-tát...” trở xuống là gánh vác ân đức phát khởi cúng dường.

Trong mục một-Trình bày về nhân nhìn thấy đạt được pháp, có hai: 1- Sơ lược trình bày; 2- Mở rộng hiển bày.

Trong mục 1- Sơ lược trình bày, có ba mục:

Mục a- Trình bày về đã tiến vào: Câu đầu là tổng quát, nói vì thế cho nên, là bởi vì nhân vốn có trước đây. Từ “Hoặc nhập...” trở xuống là riêng biệt nêu ra mười môn để hiển bày về Vô tận.

Mục b- Từ “Bỉ chư Bồ-tát...” trở xuống là hiển bày về có thể tiến vào trước đây, cũng nêu ra mười môn: 1- Giải, là suy xét thông suốt rõ ràng đủ loại không giống nhau, như phẩm Phát Tâm. 2- Đạo, là một đạo-hai đạo cho đến vô lượng Chánh đạo. 3- Môn, là môn Vô thường, môn cảnh giới trong mộng... 4- Nhập, là pháp đã chứng được sai biệt. 5- Lý thú, là ý nghĩa mục đích không giống nhau. 6- Căn cơ giáo pháp vô cùng sai biệt, mà tất cả đều tùy thuận. Bốn môn còn lại có thể biết, tức là có thể tiến vào ở đây cũng là những lợi ích.

Mục c- Từ “Nhập như thị đẳng...” trở xuống là kết luận về đã tiến vào, nghĩa là dùng Giải... trước đây để tiến vào Pháp thân... trước đây.

Trước đây sơ lược nêu ra mười môn, thật ra có Bất khả thuyết trần số...

Mục 2- Từ “Vân hà...” trở xuống là mở rộng trình bày về đạt được pháp: a- Mở rộng về có thể tiến vào; b- Từ “Kỳ chư Bồ-tát giai tất...” trở xuống là mở rộng về đã tiến vào.

Trong mục a, chỉ mở rộng về một môn Tam-muội, ví dụ chín câu còn lại. Trong văn có ba tiết:

Tiết một- Câu đầu là đưa ra phát khởi.

Tiết hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt nêu ra một trăm lẻ hai môn, đều từ nghiệp dụng mà có được tên gọi, tất cả đều dùng Chân Như pháp tánh làm căn bản của Tam-muội, tùy theo mỗi một sự việc, đều có thể phù hợp với Thật mà Chánh thọ hiện rõ trước mắt. Trong đó: Một trăm lẻ một môn trước là riêng biệt về nghiệp dụng khác nhau, một môn sau là tổng quát về tướng giống với quả.

Đầu nói về Tam-muội Phổ Trang Nghiêm Pháp Giới, là bởi vì tiến vào Tam-muội này, có thể làm cho trang nghiêm vi diệu tất cả pháp giới. Đây chính là một nghĩa của Tần Thân hiện bày Tịnh độ, các Tam-muội sau đều là nghĩa riêng biệt thuộc về Đại Dụng của Tần Thân. Dùng nhiều riêng biệt đưa vào tổng quát của Phật, thuyết giảng về nghĩa riêng biệt của các môn thì tùy theo thích hợp.

Sau là Sư Tử Tần Thân, bởi vì nếu tướng phần tổng quát không giống nhau, thì không thể nào suy xét về cảnh giới của Phật.

Tiết ba- Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về chủ động-thụ động.

Trên đây sơ lược nêu ra một trăm môn, ví dụ như vậy có nhiều Trần số, mới có thể tiến vào vô số thân biến của Phật. Tam-muội đã như vậy, chín môn như Giải... cũng như vậy, văn tóm lược không kết luận.

Trong mục b là mở rộng về đã tiến vào, có hai tiết: Một- Riêng biệt nêu ra; Hai- Từ “Kỳ chư Bồ-tát cụ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong tiết một- Riêng biệt nêu ra có mười đức, mở rộng về câu riêng biệt trong mười môn trước đây, mà chi tiết không theo thứ tự, câu tổng quát tức là trong kết luận về Tam-muội trước đây:

1- Đức cao sâu thuộc phần vị của Trí, tức là các Địa trước đây.

2- Từ “Vị chư chúng sinh...” trở xuống là Đức điều phục chúng sinh không có tạp nhiễm.

3- Từ “Trí tuệ giải thoát...” trở xuống là Đức thành tựu đầy đủ các Độ.

4- Từ “Dĩ bất điền đảo...” trở xuống là Đức của Trí lực Vô úy, tuy có bốn Biện tài mà ý thuộc về nơi Trí.

5- Từ “Thiện xảo...” trở xuống là Đức thành tựu công hạnh xưa kia.

6- Từ “Phổ kiến chư Phật...” trở xuống là Đức của Pháp thân viên mãn.

7- Từ “Dĩ đắc tự tại...” trở xuống là Đức của Sắc thân tự tại.

8- Từ “Quyết liễu...” trở xuống là Đức của Biện tài tự tại.

9- Từ “Đắc Phật cảnh giới...” trở xuống là Đức của Tam-muội thân biến.

10- Từ “Nhất nhất trần trung...” trở xuống là Đức thành tựu Đẳng chánh giác.

Tiết hai là tổng quát kết luận, có thể biết.

Trong mục hai là gánh vác ân đức phát khởi cúng dường, có ba: 1-Tổng quát; 2-Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt; 3-Từ “Thị chư Bồ-tát...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhân của những điều ấy, bởi vì đạt được mười loại Đức trước đây.

Phần 9-Từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là phần Văn Thù thuật rõ về đức: Văn Thù là Chủ về Trí, cho nên sau ánh sáng thuật rõ về đức, ánh sáng vốn có khiến cho chứng được Tam-muội, Trí vốn có là hiển bày về pháp giới, tìm theo Trí đạt được Lý, cho nên thuật rõ về ca ngợi trong rừng.

Lại môn Phổ Hiền trước đây dùng Hạnh để hiển bày Lý, ở đây thì dùng Giải để hiển bày Lý. Giải-Hạnh không hai mới có thể tiến vào, cho nên bao gồm trình bày, tức là bởi vì Đại Trí của Văn Thù thì Quyền-Thực không hai, Lý-Hạnh của Phổ Hiền là Thể-Dụng, hai loại này không hai, cùng hiển bày về đức thuộc quả Tam-muội của Như Lai. Trong văn có hai: a-Ý thuật rõ về đức; b-Chính thức thuyết kệ.

Trong chính thức thuyết kệ, có mười ba kệ bao gồm ca ngợi về Dụng của ba loại thế gian tự tại trong một Hội, phân ra làm sáu:

Một-Hai kệ đầu tổng quát ca ngợi: Kệ trước ca ngợi về rộng khắp mọi nơi, kệ sau ca ngợi tiếp nhận rộng rãi.

Hai-Một kệ tiếp ca ngợi về Chúng sinh thế gian, tức là bao gồm sự việc về các chúng Bồ-tát đến quy tụ trước đây, và Bồ-tát đạt được lợi ích phát khởi cúng dường trước đây.

Ba-Hai kệ tiếp ca ngợi về Y báo-Chánh báo có lẫn nhau: Kệ đầu ca ngợi trong Y báo có Chánh báo, kệ sau ca ngợi trong Chánh báo có Chánh báo.

Bốn-Ba kệ tiếp thuật rõ về rừng cây và hư không trước đây.

Năm-Ba kệ tiếp thuật rõ về Y báo-Chánh báo vô tận của Trí chánh giác thế gian.

Sáu-Hai kệ cuối cùng tổng quát hiển bày về thu nhận rộng khắp.

Phần 10-Từ “Nhĩ thời bỉ chư...” trở xuống là phần Đại Dụng không có giới hạn, khai mở chắc chắn đạt được lợi ích, lợi ích chắc chắn làm lợi ích cho chúng sinh, trong đó có hai: a-Tổng quát hiển bày về nhân của Dụng, nghĩa là đạt được Tam-muội trước đây nhờ vào Tam-muội của Phật, thành tựu môn Bi này cho nên tự nhiên có Dụng; b-Từ “Ưu kỳ thân...” trở xuống là dựa vào Thể khởi Dụng.

Trong phần b có hai: Một- Riêng biệt trình bày về bậc Thế Chủ giáo hóa nơi lỗ chân lông; Hai- Từ “Phật tử, thử Thệ-đa lâm...” trở xuống là bao gồm hiển bày về phân thân nhiều loại để giáo hóa.

Mục một- Riêng biệt trình bày, phân hai: 1- Tổng quát trình bày; 2- Từ “Hoặc hiện...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong mục 2 là riêng biệt hiển bày, có bốn: a-Trình bày về pháp có thể giáo hóa; b-Từ “Dĩ như thị đẳng...” trở xuống là nơi chốn đã giáo hóa; c-Từ “Dĩ bình đẳng Đại Bi” trở xuống là tâm có thể giáo hóa; d-Từ “Hoặc hữu kiến dĩ...” trở xuống là trình bày về lợi ích đã giáo hóa.

Mục a- Trình bày về pháp có thể giáo hóa, tổng quát có hai mươi lăm môn, phân hai: Tám môn đầu là trình bày đan xen về giáo hóa với những môn như vui mừng-chán ngán... Mười bảy môn còn lại trình bày về giáo hóa với các môn thuộc về mười Độ, trong đó: Sáu môn trước, mỗi môn là một Độ, có thể biết. Ba môn tiếp trình bày về Độ thuộc về Phương tiện. Một môn tiếp nói về hàng ma, là Độ thuộc về Lực. Bảy môn còn lại đều là Độ thuộc về Trí.

Trong tám môn trước là vui mừng-chán ngán đã trình bày ở phần nói về Nguyện, cho nên ở đây lược bớt không có.

Trong mục b là nơi chốn giáo hóa, có hai: Đầu là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt trình bày, có thể biết.

Mục c: là tâm có thể giáo hóa, văn rõ ràng có thể biết.

Mục d: là lợi ích đã giáo hóa, văn hiển bày có thể biết.

Trong mục hai là bao gồm hiển bày về phân thân nhiều loại để giáo hóa, có hai:

Mục 1- Trình bày về trú xứ giáo hóa khác nhau. Kết thúc không rời khỏi rừng Thệ-đa, là trình bày về không rời khỏi mà có khắp mọi nơi, phát khởi nhiều mà luôn luôn vắng lặng, bởi vì ngọn không lìa xa

gốc; sau Văn Thù du hành cũng không lìa xa Hội này, bởi vì gốc-ngọn Sự-Lý không phải ngay trong nhau, không phải lìa xa nhau.

Mục 2- Từ “Phật tử, thử chư...” trở xuống là trình bày về hiện thân giáo hóa khác nhau, trong đó có năm tiết:

Tiết một- Có thể hóa hiện nhiều thân khác nhau, có mười hai loại: Hai loại đầu là tổng quát, mười loại còn lại là riêng biệt. Trong này phần nhiều giống với thân mà Thiện Tài đã thấy, cho nên biết rằng các Thiện hữu của Thiện Tài, tức là Bồ-tát của Hội này.

Tiết hai- Từ “Vãng nghệ...” trở xuống là nơi chốn giáo hóa khác nhau.

Tiết ba- Từ “Tùy kỳ...” trở xuống là chủng loại giáo hóa khác nhau.

Tiết bốn- Từ “Hoặc thuyết...” trở xuống là pháp giáo hóa khác nhau.

Tiết năm- Từ “Giáo hóa...” trở xuống là tổng quát kết luận về ngọn không lìa xa gốc.

Trên đây là trình bày về Hội này, xong.

Phần hai: là trình bày về Hội cuối cùng, cũng tức là phần Lưu Thông của một Bộ. Sơ lược đưa ra mười môn: 1- Tổng quát hiển bày về ý của Hội; 2- Số lượng của Hội tách ra-hợp lại; 3- Hội chủ nhiều ít; 4- Xác định danh nghĩa của Hội; 5- Hai vị thu nhận tất cả; 6- Năm tướng phân biệt; 7- Thâu nhiếp trọn vẹn trước sau; 8- Hội chủ thuộc chủng loại khác nhau; 9- Nghĩa về Sự thuộc pháp giới; 10- Tùy theo văn giải thích.

Môn 1- Tổng quát hiển bày về ý của Hội:

Giáo hải viên mãn thâu nhiếp tất cả các pháp không sót, Tiệm-Đốn thu nhận đầy đủ gốc-ngọn đan xen lẫn nhau, người và pháp dung hội chú trọng bởi mở rộng thông suốt.

Vì vậy, không phải Đốn không thể hiển bày Viên, không phải Tiệm không thể làm bậc tiến, không phải gốc không thể sinh ra ngọn, không phải ngọn không thể hiển bày gốc, không phải người không thể chứng được pháp, không phải pháp không thể thành tựu người.

Do đó, trước đây trình bày về Đốn không khác với Tiệm, nhiều môn mà mọi người cùng phù hợp; ở đây trình bày về Tiệm không khác với Đốn, một người mà trải qua phần vị tu tập trọn vẹn.

Trước thì gốc không khác với ngọn, tuy cuộn vào mà luôn luôn mở ra; ở đây thì ngọn không khác với gốc, tuy mở ra mà luôn luôn cuộn vào. Gốc ngọn vô ngại cùng tiến vào pháp giới.

Nay dựa vào người tiến tới tu tập để làm quỹ phạm cho người học đời sau, khiến cho Đại giáo mở rộng thông suốt, chính là chủ ý của Hội này.

Môn 2- Số lượng của Hội tách ra-hợp lại:

Nếu dựa theo căn cơ đã thâm nhiếp thì chỉ có ba Hội, một là Hội của Tỳ-kheo, hai là Hội của người thuộc các Thừa, ba là Hội của Thiện Tài.

Nếu dựa theo chủ động-thụ động nối thông để phân rõ, thì có năm mươi lăm Hội, bởi vì Thiện Tài tự mình có năm mươi ba. Tuy có năm mươi bốn người, mà một mình Văn Thù thuyết giảng bốn Hội, Đức Sinh-Hữu Đức cùng chung một hỏi-đáp, Biến Hữu không có giải đáp cho nên không thành Hội.

Nếu lấy Biến Hữu tiếp nối phần trước hướng về phần sau, có thể gọi là Hội, thì Thiện Tài có năm mươi bốn Hội.

Vì vậy, chỉ dựa vào chủ động giáo hóa thì không đủ để xác định về Hội.

Nếu dựa theo Chủ-Bạn, thì thành ra một trăm mười Hội, về sau sẽ phân rõ.

Nếu dựa theo thuyết giảng khắp nơi, thì có vô số Hội ở vô lượng thế giới của chư Phật, hãy còn thuận theo Tam thừa.

Nếu dựa theo đức của Phổ Hiền thì Hội vô tận, như phần Phổ Hiền kết luận nối thông trình bày.

Môn 3- Hội chủ nhiều ít:

Nếu dùng người để xác định thì chỉ có năm mươi bốn. Nếu dùng Hội để hiển bày về người thì có năm mươi bảy, bởi vì Văn Thù phân làm bốn. Hoặc là vô lượng vô biên, hoặc là vô tận vô tận. Suy nghĩ điều này!

Môn 4- Xác định danh nghĩa của Hội:

Các Hội sau này tuy không có Phật thuyết giảng, mà dùng gốc thu nhận ngọn cũng có thể gọi là Kinh, bởi vì Văn Thù là nguồn gốc xuất phát của Hội này, các Thiện hữu đều đạt được lợi ích từ Hội này, Bồ-tát không lìa xa mà có khắp mọi nơi.

Nếu như vậy thì văn sau, Thiện Tài nên thu nhận quay về Trùng Các, sao lại thấy ở Đạo tràng Bồ-đề? Bởi vì Bồ-đề là nguồn gốc của các Hội, những việc làm đã kết thúc thì thâm nhiếp ngọn quay về gốc, hưởng hồ các chúng hội không rời khỏi Đạo tràng Giác ngộ hay sao?

Môn 5- Hai vị thu nhận tất cả:

Các Hội trong này không ra ngoài Văn Thù-Phổ Hiền, tóm lược

có hai môn: Một- Đối lập với nhau trình bày biểu hiện; Hai- Dung thông lẫn nhau hiển bày viên mãn.

Một- Đối lập với nhau trình bày biểu hiện, sơ lược trình bày ba cặp:

1: Dùng Năng-Sở đối lập với nhau: Phổ Hiền biểu thị cho pháp giới đã dựa vào, tức là Như Lai Tạng ở trong ràng buộc, bởi vì kinh Lý Thú Bát Nhã nói: “Tất cả chúng sinh đều là Như Lai Tạng.” Bởi vì Tự Thể của Bồ-tát Phổ Hiền rộng khắp, cho nên ở Hội thứ nhất đã tiến vào Tam-muội Tạng Thân. Văn Thù biểu thị cho tâm có thể tin tưởng, vì vậy kinh Phật Danh nói: “Tất cả chư Phật đều nhờ vào Văn Thù mà phát tâm.” Do đó, Thiện Tài mới thấy mà lập tức phát khởi Đại tâm.

2: Dùng Giải-Hạnh đối lập với nhau: Phổ Hiền biểu thị cho vạn hạnh đã phát khởi, bởi vì các kinh từ trên xuống dưới đều nói về hạnh Phổ Hiền. Văn Thù biểu thị cho hiểu biết có thể phát khởi, cho nên hiểu biết thông suốt Lý-Sự, vì vậy Từ Thị nói: “Ông gặp các Thiện hữu đều do lực của Văn Thù.”

3: Dùng Lý-Trí đối lập với nhau: Phổ Hiền tức là pháp giới đã chứng được, bởi vì Thiện Tài tiến vào thân. Lại nói: Đạt được thân hoàn toàn bình đẳng với ba đời, bởi vì thân tướng của Phổ Hiền giống như hư không. Văn Thù tức là Đại Trí có thể chứng được, vốn là nơi thờ kính Đức Phật, cho nên gọi là Trí bất động, vì vậy thấy Văn Thù ở phần vị sau mới thấy Phổ Hiền. Vả lại, Lý tách ra Thể-Dụng, Trí phân ra Nhân-Quả.

Hai- Dung thông lẫn nhau hiển bày viên mãn, cũng có hai:

1: Bởi vì hai môn đều tự nhiên viên dung, nghĩa là hiểu biết nhờ vào niềm tin trước đây mới lìa xa Tà kiến, nhờ vào niềm tin và hiểu biết chân chính mà thành tựu Trí cao nhất, dựa vào Thể khởi Hạnh thì Hạnh chắc chắn xứng với Thể, dựa vào Hạnh chứng Lý thì Lý-Hạnh không khác nhau, cho nên hễ Chứng một pháp thì Chứng tất cả các pháp.

2: Bởi vì pháp môn của hai vị Đại Thánh dung thông lẫn nhau, nghĩa là bắt đầu niềm tin thì nhất định tin tưởng vào Lý, chủ động-thụ động không hai thì xứng với hiểu biết phát khởi thực hành, thực hành và hiểu biết không hai thì Trí và Lý phù hợp với nhau, là Lý-Trí không hai. Vì vậy, Văn Thù thì ba Sự dung thông mà mờ mờ ảo ảo, chính là Phổ Hiền mà ba Sự lần lượt tiến vào trùng trùng điệp điệp. Vì thế cho nên có thể tiến vào cảnh giới Tần Thân của Giá-na. Trước Hội này trình bày về hai vị Đại Thánh khai Quyền hiển Thật, trong phần Tựa nêu lên là Thượng thủ, còn lại như riêng biệt trình bày.

Môn 6- Năm tướng phân biệt:

Nếu như Pháp sư Ý và luận Đài Sơn, thì chỉ theo văn giải thích phân tán ra, lại không có phối hợp riêng biệt; các Sư như Quang Thống... thì đều phối hợp với địa vị. Hai cách đều có lý, nghĩa là tùy theo mỗi một phần vị đầy đủ nhiều pháp môn, lẽ nào tiếp nhận tâm phạm phu hay sao? Bởi vì không có thể luyện tập mong cầu pháp của Thiện hữu, cho nên không phối hợp là có lý. Nhưng trong phần vị không có thứ tự không ngăn ngại phần vị thứ tự, hiển bày phần vị là quy phạm thông thường, cho nên phối hợp cũng không có gì sai, bởi vì ngang dọc không có gì ngăn ngại. Tạm thời dựa vào Cổ đức phối hợp làm năm tướng:

Tướng thứ nhất- Bốn mươi một người, gọi là Tướng tu hành nương vào phần vị, bởi vì nương vào bốn mươi một người, dựa vào người mong cầu hiểu biết mà hiển bày về tu hành.

Tướng thứ hai- Từ “Ma-da...” trở xuống có chín Hội-mười một người, trình bày về Tướng hội tụ duyên tiến vào Thật, tức là kết hợp với Trú... trước đây, bởi vì thành tựu hai Hạnh rộng khắp và riêng biệt, mà phù hợp chứng được pháp giới. Đầu là đạt được Huyền Trí, sau là đạt được Huyền Trú, đầy đủ duyên Như Huyền ở trung gian mà tiến vào một Thật.

Tướng thứ ba- Từ Thị chỉ một người, gọi là Tướng thâm nhiếp đức thành tựu nhân, kết hợp với đức của hai môn trước đây, bởi vì đều là nhân của chứng nhập, cho nên pháp môn gọi là nghĩ đến ba đời không quên (Tam thế bất vong niệm), thì thâm nhiếp các pháp không có gì sót lại.

Tướng thứ tư- Văn Thù ở phần vị sau gọi là Tướng thuộc Trí soi chiếu không hai, nghĩa là Hạnh tròn vẹn hoàn toàn, bởi vì tỏ ngộ sáng ngời trong tâm, soi chiếu những Hạnh trước đây, chỉ là một Trí tròn vẹn, lại không có khác nhau về trước-sau, sáng-tối...

Tướng thứ năm- Phổ Hiền chỉ một người, gọi là Tướng hiển bày nhân rộng lớn, bởi vì Thủ giác giống như Bốn giác, Viên giác hiện rõ trước mắt, hợp với pháp giới rộng khắp, tất cả đều hàm chứa đầy đủ.

Bốn tướng sau cũng có thể gọi là nương vào phần vị. Nghĩa của ba tướng trước giống với Đẳng giác, bởi vì Ma-da và Từ Thị đều tiến vào môn rất sâu xa khó hiểu, Văn Thù biểu thị cho tận cùng Bồ-tát Địa, bởi vì tâm không có tướng bắt đầu. Nghĩa của Phổ Hiền giống với Diệu giác, bởi vì vừa mới nhìn thấy Phổ Hiền đã sánh bằng Phật. Nay thuận theo nghĩa riêng biệt gọi là năm Tướng. Năm tướng này cũng là tướng thuộc năm loại Hạnh của Bồ-tát: 1- Cao hạnh; 2- Đại hạnh; 3- Thắng

hạnh; 4- Thâm hạnh; 5- Quảng hạnh.

Môn 7- Thâu nhiếp trọn vẹn trước sau:

Trên đây nương vào pháp để hiển bày trước-sau lần lượt theo thứ tự khác nhau, mà dựa vào Thật viên dung thì một phần vị tức là tất cả phần vị, cho đến vô tận. Phần vị đã trải qua sai biệt đều là nhiều trong một, một-nhiều đồng thời không có gì chướng ngại.

Môn 8- Hội chủ thuộc chủng loại khác nhau (Pháp giới nhân loại), trong đó có hai:

Một: Trình bày về chủng loại khác nhau, nghĩa là Tri thức tuy nhiều mà không ra ngoài hai mươi loại: 1. Bồ-tát; 2. Tỳ-kheo; 3. Tỳ-kheo Ni; 4. Ưu-bà-tắc; 5. Ưu-bà-di; 6. Đồng nam; 7. Đồng nữ; 8. Thiên tử; 9. Thiên nữ; 10. Ngoại đạo; 11. Bà-la-môn; 12. Trưởng giả; 13. Người hiểu biết nhiều; 14. Người chữa bệnh; 15. Người chèo thuyền; 16. Quốc vương; 17. Tiên nhân; 18. Phật Mẫu; 19. Phật Phi; 20. Các Thần.

Hai: Hiển bày về ý nghĩa của tướng, có bốn: 1- Dựa theo quả thâu nhiếp giáo hóa, tất cả đều là do Tam-muội Hải Ấn của Như Lai mà hiện bày. 2- Dựa theo nhân thành tựu Hạnh, đều là Bồ-tát tùy theo Lực mà hiện rõ hình tướng. 3- Dựa theo nghĩa hiển bày pháp, toàn bộ là người và pháp của pháp giới duyên khởi. 4- Dựa theo tướng phân rõ khác nhau, không ra ngoài năm loại Sinh mà Bồ-tát thu nhận: Một- Sinh ngừng khổ, như thầy thuốc giỏi...; Hai- Sinh tùy loại, như ngoại đạo...; Ba- Sinh thù thắng, như Tỳ-kheo Thiện Kiến...; Bốn- Sinh tăng thượng, như vua Vô Yếm Túc...; năm-Sinh tối hậu, như Từ Thị...

Bao gồm thì bốn loại trước đều có đủ năm loại Sinh, có thể biết. Trong đó: Bồ-tát có sáu, hiện thân ở ba nơi: Một- Đầu là Văn Thù, bởi vì phần vị Tín yếu kém, cho nên chỉ hiển bày một người. Hai- Phần giữa từ từ tiến lên hiện rõ hai người, đó là Đại Bi-Chánh Thú. Ba- Phần vị sau cuối thành tựu đầy đủ, hiển bày về ba người, đó là Di Lặc-Văn Thù và Phổ Hiền.

Môn 9- Nghĩa về Sự thuộc pháp giới:

Nói thông với các phần vị sau, tổng quát có mười môn: Một- Pháp giới thuộc về Chánh báo; Hai- Pháp giới thuộc về Y báo; Ba- Pháp giới thuộc về hiện tướng; Bốn- Pháp giới thuộc về biểu hiện ý nghĩa; Năm- Pháp giới thuộc về ngôn thuyết; Sáu- Pháp giới thuộc về nghĩa lý; Bảy- Pháp giới thuộc về nghiệp dụng; Tám- Pháp giới thuộc về thuyết giảng nhân xưa kia; Chín- Pháp giới thuộc về kết luận Tự phần; Mười- Pháp giới thuộc về suy ra Thắng tiến.

Pháp giới thuộc về mười môn này cùng một duyên khởi dung

thông lẫn nhau vô ngại, tùy theo một đều có đủ tất cả.

Môn 10- Tùy theo văn giải thích:

Dựa vào trong năm tướng, nay là Tướng thứ nhất-tu hành nương vào phần vị, phân năm: Một- Văn Thù là một người nương vào Thập Tín, bởi vì Tín chưa thành tựu phần vị, cho nên chỉ có một người. Bốn mươi người còn lại nương vào phần vị Thập Trú..., mỗi phần vị đều có mười, nghĩa là: Hai- Bắt đầu từ Đức Vân đến Từ Hạnh, nương vào phần vị Thập Trú. Ba- Bắt đầu từ Thiện Kiến đến Biến Hành, nương vào phần vị Thập Hạnh. Bốn- Bắt đầu từ Trưởng giả Dục Hương đến Địa thần An Trú, nương vào phần vị Thập Hồi hướng. Năm-Bắt đầu từ Dạ thần Bà-san đến Cù-ba, nương vào phần vị Thập Địa.

Mục một- Trong Thập Tín, phân hai: 1- Trình bày về phát khởi chủ động giáo hóa; 2- Từ “Nhĩ thời Tôn giả Xá-lợi-phất...” trở xuống là thành tựu sự việc giáo hóa ấy.

Trong mục 1- Trình bày về phát khởi chủ động giáo hóa, phân ba: a- Nêu lên vị Chủ ra ngoài lầu các; b- Từ “Dữ vô lượng...” trở xuống là riêng biệt trình bày về Bạn đi theo; c- Từ “Văn Thù...” trở xuống là tổng quát hiển bày về nghi thức ra ngoài.

Mục a- Nêu lên vị Chủ ra ngoài lầu các: Bồ-tát Văn Thù vốn là Đồng tử, mà trước đây nêu ra là Bồ-tát, ở đây rõ ràng là Đồng tử, bởi vì biểu thị cho bắt đầu tiến vào pháp Phật, cũng hiển bày không phải là hạnh Đồng Chân thì không thể nào tiến vào. Quyền-Thật dựa vào nhau, Bi-Trí không hề trú vào, gọi là lầu các Thiện Trú. Từ nơi này làm lợi ích chúng sinh là ra ngoài chứ không phải là lìa xa nơi này.

Trong mục b là riêng biệt trình bày về Bạn đi theo: Một loại đầu là Đồng sinh, còn lại đều là Dị sinh. Tất cả đều dựa theo tên gọi thông thường, bởi vì biểu thị cho tên gọi của pháp để trình bày về Bát-nhã dẫn dắt vạn hạnh. Tùy theo mỗi một loại đều có rất nhiều, cho nên nói là các túc hạnh...; hoặc là thiếu chữ Chư, bởi vì văn tóm lược mà thôi. Còn lại như Hội thứ nhất.

Trong mục c là tổng quát hiển bày về nghi thức ra ngoài: Trước đây dựa theo giáo hóa chúng sinh không hề trú vào, gọi là ra ngoài lầu các Thiện Trú; nay dựa theo nương vào Tự lợi mà Lợi tha, nói là ra ngoài trú xứ của mình. Lại trước đây dựa vào pháp giới của Phật mà lưu thông, ở đây dựa vào pháp tự mình đã chứng được mà ra ngoài, hai văn phỏng theo tóm lược mà thôi.

Trong mục 2: Là thành tựu sự việc giáo hóa ấy, tổng quát có ba Hội: Một- Hội thuộc về Tỳ-kheo, bởi vì hiển bày xoay chuyển Tiểu tiến

vào Đại; Hai- Hội thuộc về người trong các Thừa, bởi vì hiển bày thu nhận tất cả các Quyền hòa vào một Thật; Ba- Hội thuộc về Thiện Tài, bởi vì hiển bày căn cơ hoàn toàn Nhất thừa, một đời thành tựu tất cả.

Lại hai Hội trước biểu thị ở phần vị Tín chưa lâu cho nên hãy còn không nhất định, Thiện Tài ở cuối cùng phần vị Tín cho nên có thể tiến vào chứng đạt.

Hội thứ nhất- Hội thuộc về Tỳ-kheo, có hai tiết: Một- Trình bày về Trợ hóa thâm nhiếp căn cơ; Hai- Chính thức trình bày về lợi ích của giáo hóa.

Tiết một- Trình bày về Trợ hóa thâm nhiếp căn cơ: Bởi vì Trí của Tiểu thừa cũng giúp cho Đại thừa. Trong văn cũng có hai: 1- Trình bày về nhìn thấy duyên phát khởi ý niệm; 2- Từ “Thời Tôn giả...” trở xuống là thâm nhiếp Đại chúng cùng du hành.

Trong tiết 2: cũng có hai: a- Tổng quát phân rõ về nghi thức thâm nhiếp, rồi bỏ Tiểu hướng về Đại, là ra ngoài trú xứ của mình, hướng về trú xứ của Văn Thù; b- Từ “Thử lục thiên...” trở xuống là riêng biệt trình bày về căn cơ đã giáo hóa. Trong tiết b có ba:

Trước là đưa ra số lượng phân rõ về phần vị. Tỳ-kheo, nghĩa như thông thường trình bày. Sáu ngàn, là biểu thị cho sáu căn, bởi vì tánh thanh tịnh mà có thể tiến vào pháp giới. Nơi cùng cư trú của mình, là bởi vì cùng ở nơi Quyền-Tiểu, cùng trú trong pháp giới. Xuất gia chưa lâu, là bởi vì chưa chứng đạt Thật tế, cho nên có thể dễ dàng xoay chuyển. Tâm tin tưởng hãy còn nhỏ bé, vì vậy cần phải dẫn dắt giáo hóa.

Tiếp từ “Sở vị...” trở xuống là nêu ra tên gọi.

Sau từ “Tất tằng...” trở xuống là ca ngợi về đức, văn có mười câu: Hai câu đầu ca ngợi về nhân vốn có, bảy câu tiếp trình bày về đức hiện tại, một câu sau kết luận đức thuộc về duyên. Đã đều dựa theo Đại thừa để ca ngợi, trình bày về căn khí Đại thừa vốn có, nương vào dấu tích Tỳ-kheo để hiển bày thu nhận các chủng loại không phải là Tiểu thừa. Kết luận thuộc về Văn Thù, nay thành tựu thiện căn ấy, không phải là không có nhân.

Tiết hai- Từ “Nhĩ thời Tôn giả Xá-lợi-phất...” trở xuống là chính thức trình bày về lợi ích của giáo hóa, trong đó có hai: 1- Dùng oai nghi của thân để thâm nhiếp làm lợi ích, là giúp cho căn cơ thành thực phát khởi mong muốn; 2- Từ “Nhĩ thời Văn Thù cáo chư...” trở xuống là dùng ngữ nghiệp để thâm nhiếp làm lợi ích, chính thức trao cho pháp môn.

Trong tiết 1- Dùng oai nghi của thân, có bốn: a- Nêu ra cảnh giới thù thắng; b- Đạt được lợi ích thù thắng; c- Đến trú xứ của người thù

thắng; d- Được thâm nhiếp thù thắng.

Tiết a- Nêu ra cảnh giới thù thắng, có ba:

Trước là nêu lên nói cho biết.

Tiếp từ “Hải Giác, nhữ khả...” trở xuống là chính thức chỉ dạy quán sát, có mười đức thù thắng: 1- Thân tướng thù thắng. 2- Ánh sáng thường có thù thắng. 3- Phát ra ánh sáng thù thắng. 4- Chúng hội thù thắng. 5- Con đường đi qua thù thắng, bởi vì biểu thị luôn luôn dựa vào tám Chánh đạo. 6- Trú xứ thù thắng, bởi vì đưa chân lên-đặt chân xuống tất cả đều là Đạo tràng, cho nên tùy tâm mà chuyển. 7- Phước trang nghiêm thù thắng, thường xuyên quán sát hai bên Không-Hữu, về sau tâm địa đầy đủ hằng sa vạn đức của Như Lai Tạng, không có tâm phân biệt quên hết soi chiếu, tùy ý vận dụng vắng lặng nhận biết mà hiển bày rõ ràng. 8- Cây rừng thù thắng, bởi vì cây lập nên vạn hạnh, trang nghiêm cho Thể của pháp. 9- Tự tại thù thắng, tự tại đạt được hiểu biết không hai đối với Ngã-Vô ngã, bởi vì thuộc về Trung đạo là tôn quý nhất. 10- Hưởng lên trên thâm nhiếp thù thắng, ở đây có hai ý: a- Dựa theo Sự, bởi vì tâm thường hưởng lên trên thâm nhiếp các pháp của Phật; b- Dựa theo biểu thị, bởi vì chư Phật khen ngợi đều dựa vào Bát-nhã, mà cuối cùng đến nơi Nhất thiết trí.

Sau từ “Nhĩ thời...” trở xuống là kết luận tóm lược hiển bày mở rộng, có thể biết.

Trong tiết b- Từ “Bỉ chư Tỳ-kheo...” trở xuống là đạt được lợi ích thù thắng: Trước đây đã khuyến khích quán sát, nghĩa bao gồm tu tập quán sát, tướng của lợi ích có thể biết.

Tiết c- Từ “Tức bạch Tôn giả...” trở xuống là trình bày đến trú xứ của người thù thắng, có thể biết.

Tiết d- Từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là được thâm nhiếp thù thắng, trong đó có hai: Trước là nêu ra tướng thâm nhiếp, bởi vì quay lại mà quán sát Pháp khí, như voi chúa quay đầu, là thân và đầu cùng xoay chuyển chứ không tùy tiện cử động. Sau từ “Thời chư Tỳ-kheo...” trở xuống là lễ lạy cung kính mà phát khởi tâm nguyện, làm nguyên do chính thức thuyết giảng sau này.

Trong tiết 2: Là ngữ nghiệp thâm nhiếp làm lợi ích, có hai: a- Trao cho pháp thuộc về Tự phần; b- Từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là trao cho pháp thuộc về Thắng tiến.

Trong tiết a- Trao cho pháp thuộc về Tự phần, cũng có hai: Trước là trao cho pháp; sau từ “Thời chư Tỳ-kheo...” trở xuống là đạt được lợi ích. Trong tiết trước là trao cho pháp, có ba chi tiết:

Chi tiết một: Chỉ ra lợi ích, nêu lên nói cho biết.

Chi tiết hai: Từ “Hà giả...” trở xuống là riêng biệt nêu ra pháp thực hành. Đầu nói là không hề mệt mỗi chán nản, bởi vì pháp môn vô tận, chúng sinh vô biên, giữ lấy tướng mà tu thì phần nhiều sinh ra mệt mỗi chán nản, chán nản thì lui sụt rơi vào Nhị thừa. Nếu không có Ái kiến mà tu thì không có gì mệt mỏi, không có mệt mỏi thì quả Phật không phải là xa.

Mười câu thâm nhiếp làm thành năm cặp: 1- Nhân bên trong, duyên bên ngoài. 2- Mong cầu pháp, thành tựu hạnh. 3- Định sâu xa, Trí tuyệt diệu. 4- Trang nghiêm quốc độ, điều phục chúng sinh. 5- Trải qua thời gian dài, tu hạnh nguyện rộng lớn. Rộng lớn cũng là tu tập thuộc về Thắng tiến.

Chi tiết ba: Từ “Tỳ-kheo, nhược thiện nam tử...” trở xuống là nêu ra lợi ích khuyến khích tu tập, trong đó cũng thâm nhiếp làm thành năm cặp: 1- Tăng trưởng thiện căn, lìa xa sinh tử. 2- Vượt qua phàm phu, rời xa Tiểu thừa. 3- Sinh vào nhà Phật, đầy đủ sự nghiệp. 4- Thông thạo về quả, tu tập về nhân. 5- Phá tan tà kiến, tiến vào chứng đạt.

Trong tiết sau là đạt được lợi ích, có hai chi tiết: Một: Riêng biệt trình bày về một Định; hai: Từ “Hựu tức thành...” trở xuống là bao gồm hiển bày về nhiều môn.

Trong chi tiết một: Riêng biệt trình bày về một Định, có hai:

Chi tiết 1: Trình bày về Thể của Định đã đạt được. Nói đến vô ngại, tóm lược có ba nghĩa: a- Có thể nhìn thấy mà lìa xa chướng ngại; b- Đã nhìn thấy mà không có ngăn che, cho nên nói là nhìn thấy tất cả cảnh giới của Phật; c- Một mà đầy đủ nhiều Dụng, tuy đầy đủ công năng này nhưng không có tướng nhìn thấy, cho nên gọi là Tam-muội.

Chi tiết 2: Từ “Đắc thử Tam-muội...” trở xuống là riêng biệt trình bày về Dụng của Định, có bốn: a- Chính thức trình bày về Dụng của Thiên nhãn; b- Từ “Cập diệc văn...” trở xuống là Dụng của Thiên nhĩ; c- Từ “Diệc năng quán...” trở xuống là Dụng của Tha tâm; d- Từ “Diệc năng ức...” trở xuống là Dụng của Túc trí. Một mắt đầy đủ bốn Dụng này, cho nên gọi là Vô ngại.

Chi tiết hai: Bao gồm hiển bày về nhiều môn: Dụng của một Định trên đây đã như vậy, nhiều môn vô tận ví dụ như vậy. Đây là hiển bày về Đại tâm bắt đầu thiết lập thâm nhiếp căn cơ của Viên giáo, mà lại đạt được Dụng của Thập Thông sau phân vị Thập Địa, dùng bắt đầu thâm nhiếp cuối cùng, như phẩm Phát Tâm Công Đức... phân rõ.

Trong tiết b là trao cho pháp thuộc về Thắng tiến, cũng có hai:

Trước là dạy dỗ khuyến khích, trên đây chỉ trình bày về Đại tâm không hề mệt mỏi, nay khiến cho tiến lên hưởng về tu tập tất cả hạnh nguyện an trú rộng khắp; sau từ “Dĩ thành tựu...” trở xuống là trình bày về lần lượt chuyển tiếp đạt được lợi ích.

Trên đây là trình bày về Hội thứ nhất (Hội thuộc về Tỳ-kheo), xong.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 62 trong kinh).

Hội thứ hai- Từ “Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát khuyến chư...” trở xuống là Hội thuộc về người trong các Thừa, có bốn tiết: Một- Kết luận về những việc làm trước đây; Hai- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là trình bày đến nơi chốn giáo hóa; Ba- Từ “Thời Văn Thù...” trở xuống là hiển bày về pháp đã thuyết giảng; Bốn- Từ “Thuyết thử kinh...” trở xuống là trình bày về Đại chúng đã được lợi ích.

Ngay trong tiết hai là nơi chốn giáo hóa: Dân chúng ở trong kinh thành ấy có nhiều phước đức, cho nên gọi là kinh thành Phước. Kinh thành biểu thị cho ngăn chặn sai trái. Phương Đông là đứng đầu của các phương, cũng là nơi đầu tiên của mặt trời bắt đầu tỏa sáng, biểu thị cho khéo léo thuận theo phần Phước mà bắt đầu tiến vào Đạo. Lại biểu thị cho Phước-Trí mà tiến vào phần vị căn bản.

Rừng Sa-la, Trung Hoa nói là Cao Viên, bởi vì cây rừng um tùm cao vút, biểu thị cho phá tan phiền não mà trang nghiêm vạn hạnh đang khởi lên. Đại tháp miếu, tức là nơi quy về tổ tiên. Tam tạng Nhật Chiếu nói rằng: “Tòa thành này ở Nam Thiên Trúc, Đại tháp ở phía Đông tòa thành là tháp thờ Cổ Phật, lúc Đức Phật tại thế đã có tòa tháp này.”

Tam tạng đích thân đến nơi ấy, tòa tháp ấy rất lớn, phía Đông đánh trống-trỗi nhạc cúng dường mà phía Tây không nghe, đến nay vẫn còn tồn tại. Mọi người ở nơi này phần nhiều hát lời bài ca về Thiện Tài. Người ở trong tòa thành này đều có thiện căn thuộc phần giải thoát, có thể làm căn khí tu đạo. Đây là biểu thị cho Chân tánh thuộc về Bốn giác làm chỗ dựa của pháp giới, chư Phật cùng dựa vào, cho nên nói là nơi chốn mà chư Phật xưa kia đã từng an trú...

Tiết ba là hiển bày về pháp đã thuyết giảng: Gọi là soi chiếu rộng khắp bình đẳng, bởi vì Dụng của Trí mở ra rộng lớn, cho nên nói là soi chiếu rộng khắp. Pháp đã soi chiếu sâu rộng gọi là pháp giới, tức là kinh Nhập Pháp Giới.

Trong tiết bốn là Đại chúng đã được lợi ích, có hai chủng loại riêng biệt: 1- Trình bày về các loài Rồng, bởi vì hiểu được ý giáo hóa của vị Chủ. Nói là Chánh cầu Phật đạo, tức là ở trong nước biển có thể

tiếp nhận mà được nghe; 2- Từ “Phục hữu...” trở xuống là thân nghiệp căn cơ Tam thừa, bởi vì hiểu được ý giáo hóa của quyển thuộc. Nhưng nói là lại có chúng sinh điều phục, bởi vì không diễn thuyết riêng biệt chứ không phải là Hội riêng biệt.

Hội thứ ba: Từ “Thời phước thành nhân...” trở xuống là Hội thuộc về Thiện Tài, cũng phân làm mười môn: 1- Hưởng về mong cầu có khác nhau; 2- Tu tập tiến vào chúng khác nhau; 3- Chỉ ra phương hướng không giống nhau; 4- Nhìn thấy nơi chốn sai biệt; 5- Loại bỏ và không loại bỏ khác nhau; 6- Khen ngợi và không khen ngợi khác nhau; 7- Mở rộng và không mở rộng khác nhau; 8- Kết luận và không kết luận khác nhau; 9- Rời xa và không rời xa khác nhau; 10- Chính thức giải thích văn này.

Môn 1- Hưởng về mong cầu có khác nhau, có ba câu:

Một- Văn Thù tự mình đi đến kinh thành Phước, bởi vì căn cơ hãy còn nhỏ bé, bởi vì chưa phát tâm, bởi vì Đại Bi sâu xa.

Hai- Bắt đầu từ Đức Vân trở đi, Thiện Tài hưởng về mong cầu, bởi vì căn cơ dần dần thù thắng, bởi vì đã phát tâm, bởi vì hiển bày về tôn trọng giáo pháp.

Ba- Cuối cùng là Phổ Hiền, Tri thức không đến, Thiện Tài không hưởng về, hiển bày về phần vị pháp giới đầy đủ, cho nên không có đến-đi.

Môn 2- Tu tập tiến vào chúng khác nhau:

Chỉ ở trong phần vị Tín thứ nhất có ba Hội-bốn Chúng, bởi vì các chủng loại không giống nhau, hiển bày về bắt đầu tu tập, biểu thị cho thu nhận tất cả. Từ phần vị Trú trở đi, một mình Thiện Tài thực hành riêng biệt, bởi vì đã tiến vào phần vị mong cầu.

Môn 3- Chỉ ra phương hướng không giống nhau, tất cả phần vị có ba:

Một- Tri thức Địa tiền phần nhiều ở phương Nam; Hai- Tri thức Địa nội không có phương hướng; Ba- Tri thức Địa hậu bao gồm cả hai.

Nhưng phương Nam, xưa nói có năm nghĩa: 1- Dựa theo Sự, nghĩa là nêu ra một để ví dụ cho nhiều, Thiện hữu ở một phương đã tự nhiên vô lượng, hướng hồ đối với các phương khác hay sao. Bốn nghĩa còn lại dựa theo biểu thị: 2- Nghĩa về sáng tỏ, biểu thị cho rời bỏ tối tăm hướng đến Trí tuệ, phương Nam sáng tỏ thì vạn vật nhìn thấy lẫn nhau, Thánh nhân ở phương Nam mà xem xét quyết định, cho nên chọn lấy nghĩa này. 3- Nghĩa về chính giữa, bởi vì lìa xa hai phía Đông-Tây lệch lạc, cho nên phù hợp với đạo chân thật trung chánh. 4- Nghĩa về sinh khởi,

phương Nam chủ yếu là Dương, bởi vì phát sinh vạn vật, biểu thị cho Hạnh tăng trưởng của Thiện Tài; phương Bắc chủ yếu là Âm, hiển bày là nghĩa của diệt, Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, quan tài bằng vàng ròng xoay đầu về phía Bắc. 5- Nghĩa về tùy thuận, rời bỏ bên trái-hướng về bên phải, bên phải tức là nghĩa về thuận theo, bởi vì phong tục địa phương ở Tây Vực thì thành ấp-vườn cây-nhà cửa, tất cả đều hướng về phía Đông, mà từ phía Đông đến phía Nam, thuận theo vòng quay của mặt trời-mặt trăng, hiển bày về Thiện Tài tùy thuận với Giáo-Lý.

Trong năm nghĩa này, một nghĩa đầu là bao gồm, một nghĩa tiếp và hai nghĩa sau biểu thị cho Địa tiền, nghĩa phù hợp với Trung đạo biểu thị cho Địa hậu (phần vị Đẳng giác), cũng bao gồm Địa tiền đích thực chứng đạt Ly tướng. Địa trung (phần vị Thập Địa) không dùng phương Nam để biểu thị, Địa hậu hiển bày về nghiệp dụng rộng lớn không giống như Địa trung. Văn Thù ở phần vị sau có chỉ ra-không có phương hướng, biểu thị cho gia hạnh của Bát-nhã, bởi vì có Hạnh đích thực chứng đạt không hai. Phổ Hiền không có phương hướng-không có chỉ ra, bởi vì biểu thị cho pháp giới rộng khắp mọi nơi.

Có người chỉ chọn lấy một nghĩa về tùy thuận, không phải là những nghĩa giải thích trước đây, bởi vì nói là nghĩa chính thức về sáng tỏ phát sinh ở phương này (Trung Hoa).

Lẽ nào biết rằng phía Nam của Tây Vực không phải là sáng tỏ..., hướng hồ thuyết giảng ở tất cả các phương, hàm chứa nhiều ngôn từ ý nghĩa hay sao?

Môn 4- Nhìn thấy nơi chốn sai biệt:

Tam Hiền chưa chứng phân tán ra ở các nơi. Địa thượng chứng đạt chân thật, sinh trong nhà chư Phật, phần nhiều ở trong hội chúng của Phật. Địa hậu khởi Dụng cũng phân tán ra tùy theo duyên. Phổ Hiền nhân tròn vẹn thành tựu quả, trở lại ở nơi trú xứ của Phật.

Môn 5- Loại bỏ và không loại bỏ khác nhau:

Văn Thù ở phần vị trước, bởi vì thuộc về đầu tiên, biểu thị cho huân tập bên trong phát khởi niềm tin, trước trải qua không có loại bỏ nhìn thấy. Văn Thù ở phần vị sau là Bát-nhã soi chiếu tận cùng, tự mình nhìn thấy pháp giới của Phổ Hiền, cho nên cũng không có loại bỏ. Các vị Thiện hữu ở phần giữa, hiển bày về duyên khởi vạn hạnh giúp đỡ lẫn nhau mà viên mãn, cho nên đều có chỉ giáo loại bỏ để chỉ ra người sau; cũng hiển bày về các vị Thiện hữu không giữ lấy pháp thiện cho riêng mình mà lia xa thâm nhiếp quyến thuộc.

Môn 6- Khen ngợi và không khen ngợi khác nhau:

Trong Văn Thù ở phần vị trước bởi vì chưa phát tâm, cho nên không có khen ngợi, khuyến khích phát tâm rồi mới khen ngợi. Hai phần vị sau không khen ngợi, bởi vì biểu thị cho phần vị đầy đủ, mà lìa xa tướng của tâm. Các vị Thiện hữu ở phần giữa lẽ ra đều có khen ngợi, mà không khen ngợi thì tóm lược có hai duyên: 1- Bởi vì đang ở trong Định, như Hải Tràng...; 2- Bởi vì Hạnh không phải là đạo, như Thắng Nhiệt, Vô Yếm, Bà-tu-mật... Khen ngợi trái với giáo hóa, cho nên không có hai duyên này. Không khen ngợi là tóm lược.

Môn 7- Mở rộng và không mở rộng khác nhau:

Các vị Tri thức đều có mở rộng về người thù thắng biết nhiều mà khiêm tốn nói mình chỉ biết một. Chỉ một phần vị đầu-ba phần vị sau thiếu hai sự việc này, bởi vì hiển bày về người tôn quý đã đầy đủ đức. Mà có loại bỏ, là bởi vì khiến cho tăng thêm tu tập không có chán ngán pháp môn riêng biệt. Phổ Hiền không mở rộng về Phật, là hiển bày về quả đầy đủ mà lìa xa tu tập, bởi vì Phật thuộc về Hội này.

Môn 8- Kết luận và không kết luận khác nhau:

Chỉ riêng Phổ Hiền có kết luận nối thông với vô số thế giới khắp mười phương, bởi vì hiển bày phần vị đầy đủ mà chứng Lý rộng khắp. Còn lại đều ngược với điều này.

Môn 9- Rời xa và không rời xa khác nhau:

Hai phần vị cuối cùng không có từ tạ ra đi, bởi vì Văn Thù không có thân hiển bày về lìa xa tướng, Phổ Hiền là phần vị cuối cùng thu nhận tất cả pháp giới. Còn lại đều có từ tạ ra đi, bởi vì học không có Thầy nhất định, mà thành tựu Thắng tiến.

Môn 10- Chính thức giải thích văn này:

Ở trong Hạnh thuộc phần vị Thập Tín của Thiện Tài thâm nhiếp, văn riêng biệt có bốn mục: Một- Bốn bộ chúng tìm đến quy tụ; Hai- Ba nghiệp điều phục giáo hóa; Ba- Thượng căn đui theo; Bốn-Đại Thánh trở lại chỉ dạy.

Mục một- Bốn bộ chúng tìm đến quy tụ, phân hai: 1- Tổng quát trình bày; 2- Từ “Thời hữu...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Riêng biệt hiển bày có bốn chúng: 1. Ưu-bà-tắc, Trung Hoa nói là Cận Sự Nam, nghĩa là gần gũi Tỳ-kheo mà tiếp nhận công việc; tên gọi riêng nói là Bà-tu-đạt-đa, Trung Hoa nói là Thiện Thí, hoặc nói là Tài Thí, còn lại có thể dựa theo suy nghĩ. 2. Ưu-bà-di, Trung Hoa nói là Cận Sự Nữ, gần gũi Tỳ-kheo Ni mà tiếp nhận công việc. Hai chúng trên đều do thọ năm giới, cho nên thiết lập tên gọi Cận Sự. 3- Đồng nam; 4- Đồng nữ, đều có thể biết. Mà số lượng đều là năm trăm, biểu

thị cho năm phần vị chứng thực tiến vào, tất cả đều nối thông với bốn chúng này.

Trong mục hai- Từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là ba nghiệp điều phục giáo hóa, có hai: 1- Thân ý điều phục căn cơ; 2- Từ “Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát như thị quán...” trở xuống là thích hợp với căn cơ mà trao cho pháp.

Trong mục 1- Thân ý điều phục căn cơ, cũng có hai: a- Tổng quát điều phục Đại chúng, làm phương tiện trao cho pháp, cho nên nói là sắp thuyết giảng; b- Từ “Phục ư...” trở xuống là riêng biệt quán sát Thiện Tài, nhận biết là khác với mọi người, đặc biệt trở về làm quyến thuộc của bậc Thánh. Tên gọi của Hội Thiện Tài do đó mà thiết lập, bởi vì chú trọng về những việc đã làm.

Trong mục b có hai tiết: Một- Tổng quát nêu lên; Hai- Từ “Tri thử...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong tiết hai là riêng biệt, có hai: 1- Quán sát về duyên bên ngoài; 2- Quán sát về nhân bên trong.

Trong tiết 1- Quán sát về duyên bên ngoài, cũng có hai: a- Riêng biệt trình bày; b- Từ “Dĩ thử sự...” trở xuống là tổng quát kết luận. Tài phần nhiều thuộc về Y báo, Thiện bao gồm Y báo-Chánh báo, Tài hiện rõ là tướng của Thiện ấy, cho nên gọi là Thiện Tài, cũng giống như thiết lập tên gọi Thiện Hiên.

Tiết 2- Từ “Hựu tri thử...” trở xuống là quán sát về nhân bên trong, ở đây cũng gọi là Thiện đối với trên là Tài. Lại tâm hiểu biết thuận với Lý gọi là Thiện, tích đức vô tận gọi là Tài. Văn có mười câu: Một câu đầu chỉ là nhân vốn có, từ Tín-Giải trở đi đều bao gồm quá khứ-hiện tại.

Trong mục 2 là thích hợp với căn cơ mà trao cho pháp, có ba: a- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau; b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt nêu ra pháp môn; c- Từ “Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Đồng tử vị Thiện Tài...” trở xuống là kết thúc thuyết giảng khuyến khích tiến lên.

Ngay trong mục b là riêng biệt nêu ra pháp môn, có mười câu: Hai câu đầu dựa theo nhân của Phật: Một-Tích tập vạn hạnh; hai-Niệm niệm không gián đoạn. Bảy câu tiếp dựa theo quả của Phật, trong đó: Ba câu trước là Diệu Dụng thâm nhiếp chúng sinh, bốn câu sau là Thể Dụng tròn vẹn đầy đủ. Câu thứ mười là nối thông với Nhân, nối thông với Quả, nối thông với Lý, nối thông với Sự.

Trong mục c là kết thúc thuyết giảng khuyến khích tiến lên, kết thúc về pháp đã thuyết giảng trước đây là rộng khắp và không có gì

thiên lệch, chỉ ra pháp thuộc nhân trước đây để khuyến khích khiến cho tiến thêm tu tập, khiến cho phát khởi Đại tâm mong cầu quả Phật trước đây, khiến cho nhớ lại thiện căn vốn có, để cho không tự khinh thường mình. Còn lại không phải là căn cơ này thì tùy theo thích hợp mà trái qua thuyết giảng.

Mục ba- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là Thượng căn đuổi theo cùng tiếp nhận ý chỉ vi diệu, một mình thông minh vượt xa mọi người, quý trọng giáo pháp mà đi theo Thầy, nói kệ mong cầu hóa độ. Trong văn có hai: 1- Tổng quát về nhân theo thứ tự thuyết giảng; 2- Chính thức trình bày kệ tụng.

Mục 1- Tổng quát về nhân theo thứ tự thuyết giảng: Bởi vì đã phát tâm, tâm Bồ-đề này là thuộc về phần vị nào? Đồng tử Thiện Tài là Thánh hay là phàm?

Xưa có nhiều cách giải thích:

Một vị nói rằng: “Chính là Bồ-tát Địa thượng. Nói phát tâm, là chứng phát tâm.”

Một vị nói rằng: “Chính là Thật báo phàm phu ở Địa tiền, nhưng có thiện căn đời trước, Tín căn hiện tại chín muồi.”

Có vị nói rằng: “Xưa không đủ để dựa vào, tự dẫn ra phần Địa thần An Trú, các Thần nói với nhau rằng: Người này đã sinh trong chủng tộc Pháp Vương.” Văn này có thể xác định, nhưng tự đưa ra hai cách giải thích: Một nói là Trí phù hợp với pháp tánh, sinh vào nhà của Phật, gọi là chủng tộc Pháp Vương, tức là đã tiến vào địa. Hai nói là dựa vào Đa văn huân tập, Thắng giải về Chân tánh, thành tựu chủng tử Phật, gọi là sinh trong chủng tộc Pháp Vương, tức là chủng tánh Bồ-tát trong Tam Hiền.

Nhưng Sư này giải thích dựa vào nghĩa trước thì không khác với Sư thứ nhất, dựa vào nghĩa sau thì không khác với Sư thứ hai giải thích, đâu đủ để khác với văn này?

Lại dùng văn này để chứng minh, bởi vì Từ Thị nói rằng: “Hạnh Bồ-tát thanh tịnh trong một đời, nhìn thấy trú xứ của Phổ Hiền giống như chư Phật...” Lại làm sao thông suốt? Tự mâu thuẫn với mình bởi vì không giữ lấy một văn.

Hiền Thủ nói: “Thích hợp là người trong phần vị Tín-Hạnh khéo léo hướng về. Dựa vào tông chỉ của Viên giáo thì có ba phần vị: 1- Phần vị Kiến-Văn, tức là Thiện Tài tiếp theo thân đời trước, thấy nghe về pháp Phổ Hiền như vậy, mà thành tựu thiện căn thuộc phần giải thoát, phân rõ như trong phần khen ngợi về đức trước đây. 2 Phần vị

Giải-Hạnh, là lập tức tu tập như pháp hành của năm phần vị này, như Thiện Tài ở đời này đã thành tựu đến phần vị Phổ Hiền. 3- Phần vị chứng nhập sinh, tức là nhân vị đến cuối cùng tiềm ẩn giống như quả hải, là đời sau của Thiện Tài. Nếu như vậy thì Thiện Tài quyết định là phần vị nào? Nghĩa là bởi vì ở Tín là phần vị Tín, ở Trú là phần vị Trú. Một thân trải qua năm phần vị, hễ ở nơi nào thì thuộc về phần vị ấy, bởi vì có khắp tất cả, như phần vị Phổ Hiền.” Một cách giải thích này rất thuận với tông chỉ của Kinh.

Nhưng lại có một Lý, nghĩa là trải qua phần vị mà tu tập trong một lúc lập tức đầy đủ được thấy Phổ Hiền, địa ngục-người cõi trời hã còn ba lớp Đốn-Viên, vì sao Thiện Tài có thể nhất định là Địa thứ nhất...? Lại nói nhất định là Địa thứ nhất, là trước khi chưa gặp Văn Thù, hay là cuối cùng đã gặp Phổ Hiền? Một đời có tăng trưởng tiến lên, hay là nhất định từ đầu đến cuối? Không có gì nhất định, bởi vì kiến giải hạn hẹp, có hại cho tông chỉ của kinh.

Mục 2- Chính thức trình bày kệ tụng, có ba mươi bốn kệ, phân hai: a-Bốn kệ đầu là xót thương mình chìm đắm, tự nhủ không có năng lực; b-ba mươi kệ sau là ngưỡng mộ đức, dựa vào người, thỉnh cầu rủ lòng cứu giúp.

Trong mục a- Bốn kệ đầu, cũng có hai tiết: Một- Hai kệ trước là trình bày dựa vào quả khởi lên nhân, bởi vì mê muội lâu dài không vượt ra, lấy tòa thành để ví dụ; hai-Hai kệ sau là trình bày dựa vào nhân hưởng đến quả, bởi vì sinh tử không có tận cùng, dụ cho nương theo Thừa ác. Lại hai kệ đầu là mê mờ đối với Khổ-Tập, hai kệ sau là mất đi đối với Diệt-Đạo.

Trong tiết một- Hai kệ trước: Ba cõi làm cho tình thức vui thích, chính là nơi của phiền não khởi lên. Ngu si mê muội về ba đời, chính là nhân của phiền não khởi lên. Ma vương chính là duyên của phiền não khởi lên. Trẻ nhỏ không biết gì chính là nguyên cơ của phiền não khởi lên. Còn lại đều là phiền não đã khởi lên. Nhưng thọ sinh ở ba cõi đều do đắm theo Ngã mà khởi lên, dựa vào Ngã khởi lên cao mà khó vượt qua, không ngừng đi ra-đi vào trong cửa ngõ của sáu nẻo. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Trong tiết hai- Hai kệ sau: Kệ đầu là Tà đạo làm mất đi Chánh hạnh, kệ sau là không có Niết-bàn mà tiến vào khổ. Huy là bỏ lại. Triền là dây trói. Lại ba cạnh gọi là Huy, bốn cạnh gọi là Triền. Doanh là chậm chậm, là uể oải.

Trong mục b- Ba mươi kệ sau là thỉnh cầu rủ lòng cứu giúp, phân

ba tiết: Một- Có mười ba kệ ca ngợi người mà mong cầu pháp; Hai- Có mười lăm kệ ca ngợi pháp mà mong cầu Thừa; Ba- Có hai kệ cùng kết luận về người và pháp.

Trong tiết một, có hai: 1- Sáu kệ trước là mong mỗi rủ lòng cứu giúp đối với Khổ-Tập trước đây; 2- Bảy kệ sau là mong mỗi thành tựu về quả của Hạnh đối với Diệt-Đạo mất đi. Đầu là ba câu trước ca ngợi về đức của Văn Thù, mỗi kệ đều có một đức; một câu sau là chính thức mong cầu vận dụng cứu giúp.

Ngay trong tiết 2- Bảy kệ sau: Một kệ đầu là tổng quát mong cầu Đạo ấy, hai kệ tiếp là mong cầu Đạo của Niết-bàn, hai kệ tiếp là mong cầu Đạo của Bồ-đề, hai kệ sau là mong cầu Duyên của Kiến đạo.

Trong tiết hai từ “Nguyện luân...” trở xuống là ca ngợi pháp mà mong cầu Thừa, cũng đối với Thừa ác trước đây để mong cầu Thừa thù thắng, hãy còn khác với Nhị thừa, hướng hồ rong ruổi trong ba cõi hay sao? Trong đó phân bốn: 1- Có bốn kệ mong cầu Thừa của Lợi tha thâm nhiếp Bi-Trí-Định; 2- Có ba kệ mong cầu Thừa của Tự hành thuộc về mười Độ; 3- Có bốn kệ mong cầu Thừa của Diệt chướng thuộc về Tự lợi-Lợi tha; 4- Có bốn kệ mong cầu Thừa của vận dụng chuyên chở rộng lớn.

Bốn Thừa trên đây tức là giống với Tam Hiền-Thập Thánh, văn nghĩa đều hàm chứa nhiều loại, có thể dùng ý để hiểu được.

Trong tiết ba có hai kệ cùng kết luận: Kệ đầu là kết luận về pháp nguyện được thấy, kệ sau là kết luận về người thỉnh cầu thâm nhiếp.

Mục bốn- Từ “Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát như tượng vương...” trở xuống là Đại Thánh trở lại chỉ dạy thành tựu Hạnh thuộc về Thắng tiến, văn phân bốn mục riêng biệt: 1- Tóm lược khen ngợi, tóm lược chỉ dạy; 2- Mở rộng thưa hỏi, mở rộng giải đáp; 3- Chỉ ra Thiện hữu ở phần vị sau; 4- Nghĩ đến ân đức, từ tạ rút lui.

Mục 1- Tóm lược khen ngợi-tóm lược chỉ dạy, có hai:

Mục a- khen ngợi: Trước là khen ngợi về phát tâm, phát tâm ở trong Trường hàng trước đây; sau là khen ngợi về gần gũi Thiện hữu, thưa hỏi về Hạnh ở trong kệ trước đây.

Mục b- Từ “Thiện nam tử, thân cận...” trở xuống là chỉ dạy đi đến gần gũi Thiện hữu. Vì sao? Bởi vì gần gũi Thiện hữu là nhân bắt đầu của Chủng Trí, pháp không có người mở rộng thì tuy có Trí mà không hiểu rõ, cho nên trong văn sau Đức Sinh mở rộng hiển bày về tướng ấy. Kinh Niết Bàn quyển thứ 20 nói: “Nhân duyên gần của tất cả chúng sinh đạt được A-nậu Bồ-đề, không có gì trước Thiện hữu.” Cho đến nói

rộng ra, bởi vì đều là toàn phần, không thể không có bắt đầu tươi sáng mà có thể có kết thúc, trải qua sự việc một thời gian dài cho nên thích hợp đừng lười nhác!

Trong mục 2- Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là mở rộng thưa hỏi-mở rộng giải đáp, có hai: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Mục a- Thưa hỏi, có mười một câu, hướng về trong kệ trước đây, vẫn có hai xu thế: Một- Trước nói đến riêng biệt-đây nói đến tổng quát, nghĩa là tổng quát tu học đối với các Hạnh riêng biệt như Bi-Trí trước đây; Hai- Trước nói theo chiều ngang-đây nói theo chiều dọc, bởi vì các Hạnh như Bi-Trí, từ đầu đến cuối mỗi một phần vị cùng tu tập hướng đến tiến vào viên mãn như nhau.

Dựa vào các câu này: Hai câu đầu là tổng quát, bởi vì trong các Thiện hữu ở sau phần nhiều chỉ nêu ra điều này, nghĩa là nếu học về Giải, học về Hạnh, bắt đầu tu, cuối cùng tu đều gọi là tu học, bởi vì chỉ riêng Nhân tròn vẹn thì không còn học, Quả đầy đủ thì không còn tu. Vả lại, học thâm nhiếp đối với Giải, tu thâm nhiếp đối với Hạnh, cho nên hai câu đã thu nhận tất cả Giải-Hạnh. Chín câu còn lại là riêng biệt: 1- Bắt đầu hướng đến; 2- Ngay nơi Sự thành tựu về tu; 3- Đối trị chướng lia xa lỗi lầm; 4- Thông hiểu chứng thực rõ ràng; 5- Đạt được đầy đủ; 6- Tùy thuận với người và pháp; 7- Trải qua thời gian dài không gián đoạn; 8- Tu tập đầy đủ tất cả; 9- Hoàn toàn viên mãn.

Nếu phối hợp theo chiều dọc, nghĩa là bởi vì Thập Trụ thì Giải có thể hướng đến, bởi vì Thập Hạnh là Chánh Hạnh, bởi vì Thập Hồi Hướng là Bi nguyện của Phổ Hiền có thể làm thanh tịnh chướng ngại, bởi vì Địa thứ nhất là bắt đầu tiến vào Như, bởi vì Địa thứ hai-thứ ba-thứ tư là Hạnh thế gian-xuất thế gian đều thành tựu, bởi vì Địa thứ năm-thứ sáu-thứ bảy có thể tùy theo thế gian, bởi vì Địa thứ tám không có công dụng-không có ý niệm-không có gián đoạn, bởi vì Địa thứ chín nhận biết về các rừng rậm mà làm nhiều lợi ích, bởi vì Địa thứ mười và Đẳng giác mới viên mãn. Ngang dọc vô ngại chính là ý đã thưa hỏi.

Mục b- Từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là giải đáp, trong đó có hai tiết: Một- Dùng kệ tụng riêng biệt khen ngợi-riêng biệt chỉ dạy; Hai- Trong Trường hàng tổng quát khen ngợi-tổng quát chỉ dạy.

Tiết một- Dùng kệ tụng để khen ngợi-chỉ dạy, có mười kệ phân năm:

Tiết 1- Có hai kệ khen ngợi về phát tâm, trong đó: Hai câu đầu là tổng quát khen ngợi. Ba câu tiếp là chỉ ra Thể của phát tâm, tức là ba loại tâm, nghĩa là Bi dùng để hướng xuống dưới cứu giúp, Trí dùng để

hướng lên trên mong cầu, Đại Nguyên là Chủ. Vì vậy Từ Thị nói: “Đèn của tâm Bồ-đề, Đại Bi làm dầu, Đại Nguyên là tim đèn, ánh sáng soi chiếu pháp giới.” Ba câu sau là hiển bày về ý thích phát tâm, nghĩa là không mong cầu năm Dục và ngôi vị Quốc Vương..., mà chỉ bởi vì chúng sinh.

Tiết 2- Có một kệ sơ lược chỉ dạy, nghĩa là nếu chán ngán khổ đau mà hướng đến vắng lặng, thì Đại đạo không đủ mà bị Ma quân-Tiểu thừa phá hoại. Nếu có thể hiểu rõ thật tướng của sinh tử, chấm dứt mọi cửa ái kiến, thì thâm nhiếp các ma làm người hầu hạ, không chìm trong biển rộng của Thật tế, cho nên tất cả không có gì phá hoại.

Tiết 3- Có một kệ trở lại khen ngợi về đức của phát tâm, bởi vì chúng sinh mà phát tâm là phước thù thắng, phước mà có Trí là ánh sáng của phước, phước mà phạm phu-Tiểu thừa không hủy hoại được là uy lực, có thể sinh ra nhiều phước là nơi chốn của phước, lìa xa chướng ngại sâu rộng là biển thanh tịnh.

Tiết 4- Có năm kệ mở rộng chỉ dạy, giải đáp đầy đủ mười một câu hỏi: Một kệ đầu là giải đáp về hai câu tổng quát, nghĩa là nếu được thấy nhiều Phật-nghe pháp thì có thể tiếp nhận học hỏi, đối với hiểu biết duy trì mà tu tập thực hành. Một kệ tiếp là giải đáp ba câu tiếp theo, nghĩa là nếu hướng đến được thấy Phật, thành tựu Đại Nguyên, thì có thể đầy đủ Hạnh, đầy đủ thì Hạnh thanh tịnh. Hai câu tiếp là giải đáp về tiến vào và thành tựu, nghĩa là chứng thực tiến vào Chân Không mà không ngăn ngại trải qua Hữu, thông hiểu rõ ràng Diệu Hữu mà không mê mờ đối với Không, là phương tiện tiến vào, nếu tiến vào như vậy thì chính là trú trong Bồ-đề, Hạnh nào không thành tựu? Hai câu tiếp là giải đáp câu hỏi về tùy thuận, nếu học hỏi thuận theo Phật thì chính là chân thật tùy thuận, pháp tự nhiên thuận với Nhất thiết trí. Một kệ tiếp là giải đáp về nhớ nghĩ, nghĩa là tu tập thực hành nối tiếp nhau trải qua các kiếp ở vô số thế giới, đây là nhớ nghĩ. Một kệ sau là giải đáp về hai câu sau, nghĩa là tu tập trải qua nhiều thời gian-nơi chốn thì tăng thêm rộng lớn viên mãn. Trong này, Đại Thánh tổng quát chỉ dạy về các pháp, bởi vì hiển bày về tướng tổng quát của Tín trong Thập Tín. Các vị Thiện hữu sau này chỉ dạy nêu ra khác nhau, bởi vì hiển bày về tu chứng riêng biệt sau khi tiến vào phần vị.

Tiết 5- Có một kệ kết luận về lợi ích.

Trong tiết hai- Trường hàng tổng quát khen ngợi-tổng quát chỉ dạy, có hai:

Tiết 1- Khen ngợi, chỉ nói đến phát tâm đã hàm chứa nghĩa riêng

biệt trước đây.

Tiết 2- Từ “Thiện nam tử, nhược dục...” trở xuống là chỉ dạy, nghĩa là chỉ có thể mong cầu Thiện hữu lìa xa lỗi lầm, thì các câu hỏi trước đây đều đầy đủ, trong đó có hai tiết:

Tiết a-Theo trên đây phân định khiến cho mong cầu Thiện hữu không có thể do dự. Nói về Thiện tri thức, nghĩa là có thể khiến cho đối với người chưa nhận biết về pháp thiện thì giúp cho nhận biết, chưa hiểu rõ về pháp ác thì giúp cho hiểu rõ. Hoặc là hai chữ đều bao gồm, Thức là dựa theo hiểu biết rõ ràng, Tri là dựa theo quyết đoán rõ ràng, Chân là chọn ra tương tự.

Nhưng Tri thức có năm loại: Một- Tri thức về nhân quả thiện ác của thế gian, mà khiến cho tu tập đoạn trừ; Hai- Chán ngán niềm vui của thế gian mà vui mừng với Niết-bàn; Ba- Có tâm Bi giúp cho tâm tu tập vượt qua; Bốn- Dùng Tuệ Vô tướng giúp cho chúng sinh tu tập thực hành; Năm- Khiến cho tu tập đầy đủ hạnh Phổ Hiền không có gì chướng ngại. Năm loại này, những loại trước không phải là đích thực, đích thực chỉ có loại thứ năm là người có thể thực hành, đây là Thiện hữu thuộc về người. Nếu dựa theo Thiện hữu thuộc về pháp, thì Giáo-Lý-Hạnh-Quả đều là Thiện hữu.

Tiết b- Từ “Thiện nam tử, cầu thiện tri thức...” trở xuống là nhắc nhở khuyến khích, tùy thuận là khuyến khích, còn lại là nhắc nhở. Nếu như có lỗi lầm thật sự, thì hãy còn chọn lấy pháp mà loại bỏ sai trái, hướng hồ Quyền-Thật nhiều cách, chưa thuần thực và thuần thực khó lường hay sao?

